

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân
sự - đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Em
- Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần SAWAD Tiên Có Ngay

Người đại diện theo pháp luật: ông KANOKWATPAISAL NAPAT – chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Thanh H

Địa chỉ: ấp 1, thị trấn N M, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Á, sinh năm: 1977

Cùng cư trú: Ấp 2, xã VB, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền nguyên đơn Phạm Thanh H (gọi tắt ông H) trình bày:

Vào ngày 26/12/2022 thông qua hợp đồng cầm cố số VTM221201015NA18X Chi nhánh Vị Thanh – Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam (nay có tên gọi là Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay) đã giải ngân cho bà Trần Thị Á số tiền cầm cố cụ thể 14.300.000 đồng và chi nhánh Vị Thanh có nhận đảm bảo khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số VTM221201015NA18X số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của cục đăng ký quốc gia: Giaodichdambao/botupha: số 1484877623 theo wed: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/> với tài sản cầm cố là chiếc xe máy: HONDA-Vision mang biển số 95X1-566.25 số khung: RLHJF5817GY764890, số máy: JF66E0830040 thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Á.

Ngoài ra phía bị đơn đã có giấy ủy quyền ngày 26/12/2022 cho chi nhánh – Vị Thanh với nội dung bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển số 95B1-566.25 và cũng trong ngày 26/12/2022 bà Ánh đã có đơn xin công ty cho mượn lại chiếc xe đã cầm cố trên trong thời gian một tháng từ ngày 26/12/2022 đến hết ngày 26/01/2023 và nguyên đơn đã đồng ý giao tài sản cầm cố trên lại cho bị đơn.

Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố thì thời hạn vay là 18 tháng từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/6/2024 lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng cầm cố và nhận tiền cho đến nay nợ quá hạn đã lâu, bà Á không trả nợ gốc + lãi cho Công ty mặc dù đã nhắc nợ nhiều lần.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại chiếc xe HONDA-Vision mang biển số 95X1-566.25 số khung: RLHJF5817GY764890, số máy: JF66E0830040 thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Á để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng.

Trường hợp bị đơn không thể giao trả xe thì buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tổng dư nợ đến thời điểm hiện tại là số tiền 29.952.884 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn luôn vắng mặt không có lý do, nên không ghi nhận được ý kiến phản bác hay phản tố gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên tòa của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại xe đã mượn thông qua hợp đồng cầm cố tài sản để đảm bảo khoản vay, nếu không trả lại xe thì yêu cầu trả số tiền nhận cầm cố bao gồm gốc và lãi theo như thỏa thuận. Nên xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự - đòi lại tài sản”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự*

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu bị đơn trả xe, chỉ yêu cầu bị đơn bà Á trả số tiền đã nhận cầm cố tài sản, lãi suất và các khoản phí phải trả theo như nội dung của hợp đồng với tổng số tiền dư nợ ở thời điểm hiện tại là 29.952.884 đồng (trong đó nợ gốc 13.608.176 đồng, lãi trong hạn 1.414.133 đồng, phí quản lý hồ sơ 642.788 đồng, phí hao mòn tài sản là 7.293.000 đồng và lãi quá hạn 6.994.787 đồng) (có đính kèm theo bảng tính lãi và các chứng cứ khác có trong hồ sơ).

Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản, giấy mượn xe được 02 bên xác lập là hoàn toàn tự nguyện, các giao dịch thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng (như thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, cá khoản phí phát sinh...) là hoàn toàn phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự hiện hành, không có thỏa thuận nào trái pháp luật, trái với đạo đức xã hội. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cho hai bên gặp nhau để đối chất, hòa giải làm rõ, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là đã tự từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh, phản bác ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện, đối chiếu vào khoản 4 Điều 91 và Điều 92 của

Bộ luật tố tụng dân sự hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền dư nợ hiện tại là 29.952.884 đồng theo đúng quy định của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí trên tổng số nợ phải có nghĩa vụ trả nợ được tính như sau: $29.952.884 \text{ đồng} \times 5\% = 1.497.644 \text{ đồng}$.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí thẩm định xác minh tài sản cầm cố với số tiền 2.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp xong, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trên theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 309, Điều 310, Điều 314,, Điều 316, Điều 499 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay đối với bị đơn Trần Thị Á.

Buộc bị đơn Trần Thị Á có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn với tổng số tiền là 29.952.884 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[2.1] Buộc bị đơn Trần Thị Á nộp số tiền án phí là 1.497.644 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 480.000 đồng theo biên lai thu số 0008553 ngày 23/02/2024 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2.2] Buộc bị đơn Trần Thị Á hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay với số tiền 2.000.000 đồng chi phí đi xác minh, thẩm định tài sản (chiếc xe).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[3] Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/9/2024) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công bố bản án;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp